

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tự Tín.
2. Ông Đặng Thế Nghiệp.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/4/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng T, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1985; vắng mặt.
 2. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1995. Vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trương Thị Hồng T là nguyên đơn trình bày: bà với ông N do tự quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên cho tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1983, hôn nhân có đăng ký kết hôn quá hạn tại UBND xã Phương Thạnh, huyện Càng Long vào ngày 28/3/2018. Nữ trang ngày cưới bên chồng cho bà 01 đôi bông tai 01 chỉ và 01 sợi dây chuyền 1,3 chỉ vàng 24Kra. Tất cả số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán hết để làm ăn, hiện nay

không còn.

Sau ngày cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, công việc làm ăn, vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, gia đình không hạnh phúc nên dẫn tới vợ chồng ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay không hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Minh H, sinh năm 1995, hiện các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4, mái lợp tole, diện tích 125m², hiện do bà đang ở.

- Về nợ chung: vợ chồng không thiếu ai và không ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

- Về con chung: các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu pháp luật giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh N là bị đơn trình bày: về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung bà T trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, từ đó vợ chồng đã ly thân nhau, mỗi người sống mỗi nơi đã hơn 10 năm nay không hàn gắn được, nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được.

Nay về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Hồng T.

- Về con chung: các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: để lại cho các con được hưởng, ông không yêu cầu pháp luật giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Nguyễn Minh H vắng mặt có lời trình bày: anh, chị là con của ông Nguyễn Minh N và bà Trương Thị Hồng T. Việc cha mẹ ly hôn anh, chị không có ý kiến gì. Về tài sản chung: anh, chị cũng không yêu cầu chia tài sản chung và các vấn đề khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, và không có cung cấp chứng cứ mới. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt hợp lệ,

đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T đã chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn ông Nguyễn Minh N chưa chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ, do đó căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
Các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

Về con chung: các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: không tranh chấp và không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ trường hợp không nộp, miễn nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Minh N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trương Thị Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết vụ việc hôn nhân của bà. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Hồng T và ông Nguyễn Minh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1983. Hôn nhân có đăng ký kết hôn quá hạn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/3/2018 nên hôn nhân giữa bà Thẩm và ông Nghĩa là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được bà Thẩm và ông Nghĩa thừa nhận thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi nhau thường xuyên, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không khắc phục được.

Từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi khoảng 10 năm nay.

Xét thấy, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa bà T và ông N đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với ông N, ông N cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc ly hôn giữa bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 02 người tên Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1985 và Nguyễn Minh H, sinh năm 1995, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: buộc bà Trương Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Minh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng T.

[1] Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

[2] Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Trương Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0003621, ngày 05/10/2020 do bà T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà T đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Phương Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung